

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS-ST

Ngày: 03-02-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Phi Phương.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thanh - Thư ký Tòa án N dân thành phố H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Bá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 297/2020/TLST- HS ngày 21 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: C), sinh ngày 08/8/1996, tại tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị Tố N, sinh năm: 1963; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án, Ngày 26/6/2018, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng (Bản án số 18/2018/HS-ST); tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/9/2020, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 10/9/2020 cho đến nay. Có mặt.

***Bị hại:*** Chị Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1978; địa chỉ: 29C/103 L phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1980; địa chỉ: 29C/103 L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Anh Hoàng Quốc T1, sinh năm 1998; địa chỉ: 02/500 X, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Tố N, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Xuân S, Sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 1, thôn P, xã T, huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Anh Ngô Xuân Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: 8/24H, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

*Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1956; địa chỉ: 29C/103 L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thanh O, Sinh năm 1976; địa chỉ: 29C/103 L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Anh T2, sinh năm 1994; địa chỉ: 50/42 T, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Bách Y, sinh năm 1996; địa chỉ: 23/31 D, phường C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn T3, sinh năm 1980; địa chỉ: 4/4/43 K, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/12/2018, Nguyễn Hữu T cùng Nguyễn Xuân S (sinh ngày 16/01/1995, trú tại: Xóm 1, Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình) đi từ tỉnh Quảng Bình vào thành phố H chơi và thuê phòng lưu trú tại khách sạn O ở 40 N, phường H, thành phố H. Đến khoảng 08 giờ ngày 11/12/2018, S và T liên hệ qua điện thoại gặp chị Nguyễn Thị Phương M (sinh năm 1978, trú tại 29C/103 L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) hỏi thuê 01 chiếc xe mô tô để đi lại. Sau đó, chị M nhờ mẹ và chị gái mình là bà Nguyễn Thị Diệu L (sinh năm 1956) và chị Nguyễn Thị Thanh O (sinh năm 1976) đưa chiếc xe mô tô Honda hiệu Airblade, biển số 75E1-052.57 đến khách sạn Thanh O cho T thuê thời hạn 02 ngày, với giá 300.000 đồng. Hai bên không làm hợp đồng nhưng T có giao một sổ hộ khẩu của gia đình cho bên thuê xe.

Thuê được xe, S và T sử dụng làm phương tiện đi lại, rồi cùng nhau đến hát Karaoke tại quán Win Win ở 86 L, phường H, thành phố H. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì nghỉ, số tiền mà S và T phải trả cho quán là 5.200.000 đồng. Do không đủ tiền nên S và T thống nhất cầm cố xe mô tô Honda hiệu Airblade biển số 75E1-052.57 cho anh Hoàng Quốc T1 (sinh năm 1998, trú tại 02/500 X, phường B, thành phố H) là nhân viên của quán để lấy 5.200.000 đồng trả cho

quán. S là người trực tiếp giao dịch viết giấy cầm đồ với tên khác là Nguyễn Xuân G (CMND: 194593480, HKTT: Xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; Nơi TT: 291 L, thành phố H, Quảng Bình). Sau đó, cả 2 trở về khách sạn thu dọn hành lý bỏ đi.

Hết thời hạn bị cáo T không trả xe, chị M có liên hệ với mẹ của bị cáo T là bà Phạm Thị Tố N. Bà N hẹn 10 ngày, để gia đình tìm cách giải quyết, nhưng không được nên làm đơn trình báo Cơ quan Công an huyện T, tỉnh Quảng Bình. Sau khi gây án, bị cáo Nguyễn Hữu T bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tách vụ án và truy nã. Đến ngày 07/9/2020, bị cáo T đến Công an phường 12, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đầu thú. Còn Nguyễn Xuân S đã bị Tòa án nhân dân thành phố H xét xử.

*Vật chứng thu giữ gồm:*

- 01 (Một) xe mô tô hiệu Airblade, biển số 75E1-052.57 màu đen-vàng;
- 01 (Một) thẻ căn cước công dân tên Nguyễn Hữu T;
- 01 (Một) sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ là ông Nguyễn Đ do Công an xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình cấp;
- 01 (Một) giấy cầm đồ “V/v thế chấp” xe mô tô hiệu Airblade biển số 75E1-052.57 lập ngày 11/12/2018;
- 04 (Bốn) tấm ảnh màu (10 x 12) cm do anh Hoàng Quốc T1 cung cấp về việc Nguyễn Xuân S cầm xe tại quán Karaoke.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 111/KL-HĐĐG ngày 04/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade biển số 75E1-052.57, trị giá 17.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS - HS ngày 21 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Áp dụng điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của 02 bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Ý kiến của bị cáo và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành

phố H đã truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Hữu T là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vào khoảng 08 giờ ngày 11/12/2018, tại khách sạn Thanh O ở 40 N, phường H, thành phố H, Nguyễn Xuân S cùng Nguyễn Hữu T thuê 01 chiếc xe mô tô Honda hiệu Airblade, biển số 75E1-052.57 của chị Nguyễn Thị Phương M để làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, S và T đã đem cầm cố chiếc xe mô tô trên lấy tiền để trả tiền hát Karaoke. Sau đó, bị cáo Nguyễn Hữu T bỏ trốn, đến ngày 07/9/2020 bị cáo T ra đầu thú. Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, giá trị tài sản mà bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt là 17.000.000 đồng, nên bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Hữu T nhận thức được hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình trật tự tại địa phương.

[4] Xét căn cứ quyết định hình phạt, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng: Bị cáo có 01 tiền án, vào ngày 26/6/2018, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng nên lần phạm tội này bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn và cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã sau đó bị cáo ra đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo

thành khẩn khai báo; tác động gia đình khắc phục hậu quả, bị cáo có cha là thương binh hạng 4/4, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa.

Tại thời điểm phạm tội ngày 10/12/2018, bị cáo đang chấp hành hình phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng theo Bản án số 18/2018/HS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình, điều đó thể hiện bị cáo có ý thức coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên cần áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Do lần phạm tội này bị cáo đang trong thời gian thử thách của án treo, nên theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù của tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với bản án này.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên, xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Xuân S là đồng phạm trong vụ án, đã bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử tại bản án số 38/2020/HS-ST ngày 09/3/2020.

[6] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô Honda hiệu Airblade biển số 75E1-052.57, sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ là ông Nguyễn Đ, 01 giấy cầm đồ V/v thế chấp xe mô tô Honda hiệu Airblade, biển số 75E1-052.57 lập ngày 11/12/2018 và 04 tấm ảnh màu (10 x 12)cm do anh Hoàng Quốc T1 cung cấp đã được giải quyết xong tại bản án số 38/2020/HS-ST ngày 09/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Đối với 01 thẻ căn cước công dân của bị cáo Nguyễn Hữu T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu T.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Phương M, anh Nguyễn Xuân V và anh Hoàng Quốc T1 đã nhận lại tài sản và tiền do gia đình của bị cáo Nguyễn Hữu T bồi thường, không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: Chuột) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 18/2018/HS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (Ngày 07/9/2020).

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND tỉnh TT. Huế;
- Sở Tư pháp TT. Huế;
- PV06 CA tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CA thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Hạnh**